TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 6 – 2024
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Ngọc Điệp
2. Bà Lê Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2024/TL.ST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông Lê Tuấn A, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt
2. Bị đơn: Bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài N1, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Tuấn A trình bày:

Vào năm 2011, ông và bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài N1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết nhưng vẫn không được nên đã ly thân cách đây khoảng 03 tháng. Ông nhận

thấy không thể hàn gắn được nên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thiên K (nữ), sinh ngày 15/10/2014 và Lê Gia K1 (nam), sinh ngày 12/7/2018. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và K1 đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài N1 trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày của ông A về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn và về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng cũng đã ly thân nhau cách đây khoảng 03 tháng. Nay ông A yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thiên K (nữ), sinh ngày 15/10/2014 và Lê Gia K1 (nam), sinh ngày 12/7/2018. Bà đồng ý giao cháu K và K1 cho ông A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Tuấn A và bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài N1 là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Lê Thiên K (nữ), sinh ngày 15/10/2014 và Lê Gia K1 (nam), sinh ngày 12/7/2018 cho ông A được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông A chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Tuấn A và bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài Ngân chung sống như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay hai bên phát sinh mâu thuẫn nên ông A yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N1. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án hôn nhân và gia đình về việc không

công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông A, bà N1 nhưng đã có yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa ông A và bà N1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống ông A và bà N1 phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được nên ông A yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N1. Phía bà N1 thống nhất yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông A. Xét thấy, đến thời điểm xét xử vụ án các đương sự vẫn không đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Lê Tuấn A và bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài N1 là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Ông Lê Tuấn A và bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài Ngân thống nhất giao cháu Lê Thiên K (nữ), sinh ngày 15/10/2014 và Lê Gia K1 (nam), sinh ngày 12/7/2018 cho ông Lê Tuấn A được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và bà N1 chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Lê Tuấn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Từ những tình tiết, căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của ông A cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Tuấn A và bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài N1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Tuấn A và bà Lê Tôn Tần Tôn Nữ N Phát Tài N1 về việc giao cháu Lê Thiên K (nữ), sinh ngày 15/10/2014 và Lê Gia K1 (nam), sinh ngày 12/7/2018 cho ông A được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà N1 chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bà N1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Tuấn A phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai số 0004521 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông A đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Chiên